

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HS-ST

Ngày: 30-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Hải

Ông Bùi Văn Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn L, sinh năm 1991, tại Đồng Tháp; Quê quán: Tổ V, ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Tổ V, ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Có vợ là Văn Phan Hồng L; Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

Thái Hoàng N, sinh năm 1994 (chết), người đại diện hợp pháp của anh N là: Huỳnh Thị H (mẹ của anh N), sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ T, ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Trần Văn T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ U, ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Trần Văn M, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ U, ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là người làm chứng. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/10/2019, sau khi uống rượu bia tại nhà người quen, bị cáo Trần Văn L không có giấy phép lái xe theo quy định đã điều khiển xe mô tô biển số 66P2-114.25 chở Trần Văn M, sinh năm 1982, ngụ Tổ U, ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, đi trên đường Cái Tôm, hướng từ Phường 6 đến xã Hòa An, khi đến Tổ U, ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo không làm chủ tay lái, không chú ý quan sát, lấn sang làn đường ngược chiều và chạm với xe mô tô biển số 66P1-546.96 do Thái Hoàng N, sinh năm 1994, ngụ Tổ T, ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp điều khiển. Hậu quả anh Thái Hoàng N tử vong trên đường đến bệnh viện, bị cáo và anh M bị đa chấn thương.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 850/KL-KTHS ngày 23/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Thái Hoàng N bị đa chấn thương nhiều vùng trên cơ thể; Nứt, vỡ xương sọ phức tạp vùng trán-đỉnh-thái dương phải; Dập và xuất huyết bán cầu đại não hai bên. Thái Hoàng N bị đa chấn thương, trong đó chấn thương vùng đầu làm nứt, vỡ xương sọ phức tạp gây dập và xuất huyết não là nguyên nhân tử vong.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 01A/TgT ngày 09/01/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Đồng Tháp, kết luận: Trần Văn M bị gãy 1/3 trên xương chày trái đã kết hợp xương, can tốt, trục thẳng, không ngăn chi; Gãy xương gò má, không ảnh hưởng chức năng; Chấn thương gây kín các

xoang (Xoang hàm, xoang trán, xoang bướm) không di lệch. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Văn M là 30% tại thời điểm giám định, theo nguyên tắc cộng lùi.

Tại kết luận giám định số 856, số 857 và số 858/KL-KTHS cùng ngày 25/10/2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Nồng độ cồn (Ethanol) trong máu của Thái Hoàng N là 177,8 mg/100ml máu, Trần Văn L là 123,2 mg/100ml máu, Trần Văn M là 44,9 mg/100ml máu (theo quy định cho phép 50 mg/100 ml máu).

Tại Kết luận định giá tài sản số 205 và số 206/KL-ĐGTS cùng ngày 18/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại AirBlade, màu đỏ đen bạc, biển số 66P2-114.25, tổng giá trị tài sản thiệt hại 9.050.000 đồng; Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh bạc, biển số 66P1-546.96, tổng giá trị tài sản thiệt hại 8.870.000 đồng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 14/10/2019, xác định: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đường Cái Tôm thuộc Tổ B, ấp B, xã A, thành phố L, mặt đường tráng bê tông bằng phẳng rộng 305cm, là đường hai chiều, không có vạch kẻ phân chia phần đường. Lắc trụ điện không số làm mốc, lắc lẽ trái theo hướng đi của xe mô tô biển số 66P2-114.25 do bị cáo Trần Văn L điều khiển làm lẽ chuẩn. Vết cày thứ nhất dài 75cm, đầu vết cày cách lẽ chuẩn 80cm và cách tâm vùng va chạm 185cm. Vết cày thứ hai dài 420cm, đầu vết cày cách lẽ chuẩn 160cm và cách cuối vết cày thứ nhất 220cm. Vết cày thứ ba dài 105cm, đầu vết cày cách lẽ chuẩn 170cm và cách đầu vết cày thứ hai 255cm. Vết cày thứ tư dài 80cm, đầu vết cày cách lẽ chuẩn 250cm và cách cuối vết cày thứ ba 120cm. Tâm vùng va chạm vào lẽ chuẩn 60cm, đến đầu vết cày thứ nhất 185cm.

Từ kết quả khám nghiệm hiện trường xác định Trần Văn L điều khiển xe không đúng phần đường quy định là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật Giao thông đường bộ và điều khiển xe trong người có nồng độ cồn 123,2 mg/100ml máu (vượt mức quy định cho phép 73,2 mg/100ml máu), điều khiển xe không có giấy phép lái xe đã vi phạm vào khoản 8, khoản 9 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ.

Đối với xe mô tô biển số 66P2-114.25 do Lê điều khiển khi va chạm với xe mô tô của N bị thiệt hại 9.050.000 đồng. Qua xác minh, xe này do Trần Văn T, sinh năm 1993, ngụ Tổ A, ấp B, xã A, thành phố L, đứng tên chủ sở hữu. Tại

phiên tòa, bị cáo L khai nhận do có quan hệ họ hàng, nhiều lần ghé nhà anh T nên biết vị trí để chìa khóa xe. Sáng ngày 14/10/2019 anh T đi rước dâu, để xe máy ở nhà, chìa khóa để trong phòng, sau khi dự đám cưới của anh T, trong lúc anh T mang xe ô tô đi trả cho nơi thuê thì bị cáo đã tự ý lấy chìa khóa và xe sử dụng trước khi gây tai nạn. Ngày 20/12/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho anh T, anh T nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đối với xe mô tô biển số 66P1-546.96 do bị hại Nghĩa đứng tên chủ sở hữu. Ngày 20/12/2019, Cơ quan điều tra đã trả xe trên cho đại diện hợp pháp của bị hại là bà Huỳnh Thị H (mẹ ruột của Nghĩa) để quản lý và sử dụng.

Đại diện hợp pháp của anh Thái Hoàng N là mẹ ruột tên Huỳnh Thị H yêu cầu bồi thường thiệt hại do tính mạng của anh N bị xâm phạm 70.000.000 đồng và tiền sửa xe biển số 66P1-546.96 là 11.501.000 đồng, tổng cộng 81.501.000 đồng. Bị cáo L thống nhất với yêu cầu của bà H, đã bồi thường được 20.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 61.501.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại là bà Huỳnh Thị H chỉ yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 61.501.000 đồng, không yêu cầu anh Trần Văn T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường. Ngoài ra, tại phiên tòa bà H không có yêu cầu nào khác, đề nghị Tòa án xét xử đúng quy định pháp luật.

Đối với Trần Văn M là người ngồi sau xe mô tô do L điều khiển, khi xảy ra tai nạn, M bị thương tích điều trị số tiền 4.000.000 đồng, anh M không yêu cầu bị cáo, anh Trần Văn T bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, biên bản, bản ảnh khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời khai người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đối với trách nhiệm dân sự, bị cáo thống nhất tiếp tục bồi thường cho người thừa kế của bị hại Thái Hoàng N là bà Huỳnh Thị H số tiền 61.501.000 đồng, bị cáo không yêu cầu anh Trần Văn T có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo bồi thường số tiền 61.501.000 đồng cho người thừa kế của bị hại.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKSND-TPCL ngày 15/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp truy tố Trần Văn L về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh

luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như Cáo Trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn L với mức án từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Huỳnh Thị H số tiền 61.501.000 đồng.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin lỗi gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T, người làm chứng anh Trần Văn M. Những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử và lời khai của những người này đã có trong hồ sơ vụ án nên căn cứ vào Điều 292, 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Lãnh, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, biên bản, bản ảnh khám nghiệm phương tiện, Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản, lời khai người làm chứng cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Văn L không có giấy phép lái xe, vào ngày 14/10/2019, sau khi uống rượu bia tại nhà người quen đã điều khiển xe

mô tô biển số 66P2-114.25 chở Trần Văn M đi trên đường Cái Tôm hướng từ Phường 6 đến xã Hòa An, khi đến Tổ K, ấp B, xã A, thành phố C, nồng độ cồn trong máu tại thời điểm gây tai nạn là 123,2mg/100ml (vượt quy định cho phép (50mg/100ml) 73,2mg/100ml máu), bị cáo không làm chủ tay lái, không chú ý quan sát, lấn sang làn đường ngược chiều va chạm với xe mô tô biển số 66P1-546.96 do anh Thái Hoàng N điều khiển. Hậu quả anh N tử vong, bị cáo và anh M bị đa chấn thương. Như vậy, bị cáo đã vi phạm quy định khoản 8, 9 Điều 8; Điều 9 Luật Giao thông đường bộ. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Việc truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông mà còn xâm hại trực tiếp đến tính mạng của người khác và ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc điều khiển phương tiện giao thông khi không có giấy phép lái xe, khi sử dụng rượu, bia là nguy hiểm nhưng vẫn cố ý thực hiện dẫn đến tai nạn làm bị hại tử vong.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo vi phạm 02 tình tiết định khung tại khoản a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự, đồng thời bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ gồm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo bồi thường một phần thiệt hại theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, để thể hiện tính nghiêm minh, sự răn đe, đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội, không áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Cần phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo. Khi quyết định

hình phạt, Hội đồng xét xử đồng thời xem xét tình tiết giảm nhẹ của bị cáo để thể hiện tính chất khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Thái Hoàng N chưa có vợ, con, cha mất vào năm 1995, hiện còn mẹ là Huỳnh Thị H. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Huỳnh Thị H chỉ yêu cầu bị cáo Trần Văn L tiếp tục bồi thường số tiền 61.501.000 đồng (trong đó yêu cầu bồi thường thiệt hại do tính mạng của anh N bị xâm phạm 70.000.000 đồng và tiền sửa xe biển số 66P1-546.96 là 11.501.000 đồng, tổng cộng 81.501.000 đồng. Bị cáo L đã bồi thường được 20.000.000 đồng, còn 61.501.000 đồng), không yêu cầu trách nhiệm liên đới của anh Trần Văn T, ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác. Bị cáo thống nhất tiếp tục bồi thường cho người thừa kế của bị hại là bà Huỳnh Thị H số tiền 61.501.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận yêu cầu bồi thường của bà H và bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 591 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận, buộc bị cáo bồi thường cho người thừa kế của bị hại là bà Huỳnh Thị H số tiền 61.501.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị H không yêu cầu trách nhiệm liên đới của anh Trần Văn T cùng với bị cáo bồi thường thiệt hại, do anh T là chủ sở hữu xe mô tô biển số 66P2-114.25, bị cáo Trần Văn L cũng không yêu cầu anh Trần Văn T cùng liên đới để bồi thường cho bà Huỳnh Thị H, Hội đồng xét thấy việc bị cáo Trần Văn L, bà Huỳnh Thị H không yêu cầu trách nhiệm liên đới của anh Trần Văn T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 9 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm liên đới của anh Trần Văn T.

Anh Trần Văn M là người ngồi sau xe mô tô do bị cáo điều khiển, khi xảy ra tai nạn, Minh bị thương tích điều trị số tiền 4.000.000 đồng, anh M không yêu cầu bị cáo bồi thường và không yêu cầu anh Trần Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Trần Văn T là chủ sở hữu xe mô tô biển số 66P2-114.25 do bị cáo tự ý lấy xe và gây tai nạn, anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

Xe mô tô biển số 66P1-546.96 do bị hại Nghĩa đứng tên chủ sở hữu. Ngày 20/12/2019, Cơ quan điều tra đã trả xe trên cho đại diện hợp pháp của bị hại là bà Huỳnh Thị H (mẹ ruột của N) để quản lý và sử dụng.

Xe mô tô biển số 66P2-114.25 do Trần Văn T đứng tên chủ sở hữu. Ngày 20/12/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho anh T, anh T nhận lại xe.

[7] Đối với Trần Văn T khi bị cáo lấy xe của anh T điều khiển và gây tai nạn, anh T hoàn toàn không biết nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Văn L phải chịu án phí dân sự, hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 260; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”*.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 591 Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại tại phiên tòa: Bị cáo Trần Văn L phải bồi thường thiệt hại cho người thừa kế của bị hại là bà Huỳnh Thị H số tiền 61.501.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.075.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPCL;
- CQTHAHS Công an TPCL;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐT;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đặng Thị Thanh Thảo**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán  
Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Quang Thanh    Bùi Văn Dũng**

**Đặng Thị Thanh Thảo**

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKDND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPCL;
- CQTHAHS Công an TPCL;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐT;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Thanh Thảo**

